TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2019
V/v ly hôn giữa chị N và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Mạnh Trường
Bà Đoàn Thị Dịu

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/DS/ST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm: 1978.
Nơi ĐKHKTT: Số nhà 236, đường H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
Địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1968.
Địa chỉ: Số nhà 236, đường H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa: Có mặt chị N, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau tháng 12 năm 1999 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau

khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, sau 2 năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không tôn trọng chị nên thường xuyên chửi, gây áp bức cho chị, từ tháng 12 năm 2014 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M - sinh ngày 23 tháng 9 năm 2000; Nguyễn Anh T - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2006. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị N trình bày.

Quá trình chung sống của vợ chồng: Do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, anh phải chăm sóc bố già ốm nặng, nên anh không làm ra tiền để đưa chị N, vì thế chị N cùng các con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị N xin ly hôn anh mong muốn chị về để vợ chồng chăm sóc bố và các con, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N đã trình bày là đúng. Hiện cả 2 con đang ở với chị N, con lớn đang học Đại học.

Về tài sản: Vợ chồng có 01 nhà làm tạm trên diện tích 80m^2 đã mang tên vợ chồng, nhưng đây là đất của bố mẹ anh cho, nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Về công nợ: Vợ chồng anh không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của BLTTDS. HĐXX hoãn phiên tòa ngày 12/9/2019 do vắng mặt của bị đơn và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS. Đối với đương sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay không chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về Nội dung: Xét thấy chị N và anh C đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Về con chung; Căn cứ Điều 81,82 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc M - sinh ngày 23 tháng 9 năm 2000; Nguyễn Anh T - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2006, chấp nhận sự tự nguyện

của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 1999, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường sau phát sinh mâu thuẫn, do kinh tế khó khăn, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau dẫn đến xảy ra cãi bất hòa cãi chửi nhau. Nay chị N đề nghị xin được ly hôn, anh C có lời khai không nhất trí ly hôn.

Qua thu thập tại địa phương cũng thể hiện; về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, do kinh tế khó khăn nên cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Văn C đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa anh C vắng mặt, mặt khác căn cứ vào nguyện vọng của các con có đơn đề nghị được ở với mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục các con nên giao chị N có trách nhiệm nuôi dưỡng cả hai con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Văn C.

2. Con chung: Giao chị N có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc M - sinh ngày 23 tháng 9 năm 2000 đang học đại học và Nguyễn Anh T - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2006. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số 05056 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; Chị Nguyễn Thị Minh N có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánd ân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND TT C, huyện T;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu